



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2013	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23

1102  
CC  
VIỆT  
D

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (nay là Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp; và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700572808 ngày 30 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.016.990.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát, sỏi, đất sét, đất bùn; Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Bán buôn than đá, than bùn và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, đất bùn;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác và thu gom than bùn.

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lư Văn Còn	Chủ tịch
Ông Lâm Duy Khánh	Thành viên
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Trường	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lâm Duy Khánh	Giám đốc
Ông Phạm Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Mạc Thanh Dũng	Phó Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

## 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty.

## 6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Lương, ngày 10 tháng 08 năm 2013

**GIÁM ĐỐC**



**LÂM DUY KHÁNH**

Handwritten red text on the right margin, possibly a date or reference number, including the characters '2013' and '08'.



Số: 14.123/BCSX-DTL

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2013

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0067-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**PHẠM THỊ BÍCH HẠNH**

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1505-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.494.201.651</b>	<b>17.797.181.726</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>504.255.463</b>	<b>1.577.965.538</b>
1. Tiền	111		504.255.463	1.577.965.538
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>8.952.262.518</b>	<b>10.845.840.983</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.284.569.595	5.030.370.967
2. Trả trước cho người bán	132		3.586.191.626	4.408.682.224
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		259.520.337	1.584.806.832
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(178.019.040)	(178.019.040)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>5.797.700.539</b>	<b>4.656.717.711</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.797.700.539	4.656.717.711
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.239.983.131</b>	<b>716.657.494</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	739.482.172	477.080.755
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		208.627.498	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		291.873.461	239.576.739

(Phần tiếp theo trang 05)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>56.729.844.825</b>	<b>46.592.712.586</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.731.093.356</b>	<b>43.588.243.632</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	34.283.336.419	35.166.051.279
+ Nguyên giá	222		47.353.290.962	46.891.793.204
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.069.954.543)	(11.725.741.925)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	4.955.884.434	5.077.755.966
+ Nguyên giá	228		6.435.557.600	6.435.557.600
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.479.673.166)	(1.357.801.634)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	15.491.872.503	3.344.436.387
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.998.751.469</b>	<b>3.004.468.954</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.998.751.469	3.004.468.954
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>73.224.046.476</b>	<b>64.389.894.312</b>

(Phần tiếp theo trang 06)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>40.299.377.614</b>	<b>28.163.724.452</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.345.210.377</b>	<b>16.635.734.455</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	13.397.916.412	10.690.803.001
2. Phải trả người bán	312	5.10	3.510.453.079	1.450.915.696
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	703.461.040	609.118.103
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	28.655.171	288.099.472
5. Phải trả người lao động	315		481.370.631	731.127.899
6. Chi phí phải trả	316		216.000.340	54.572.503
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	2.713.143.907	2.168.085.351
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		294.209.797	643.012.430
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.954.167.237</b>	<b>11.527.989.997</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	18.954.167.237	11.527.989.997
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32.924.668.862</b>	<b>36.226.169.860</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>32.924.668.862</b>	<b>36.226.169.860</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.016.990.000	30.016.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.298.677.319	1.298.677.319
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		73.375.380	8.025.380
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.535.626.163	4.902.477.161
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>73.224.046.476</b>	<b>64.389.894.312</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN CƠ

Kiên Lương, ngày 10 tháng 08 năm 2013



LÂM DUY KHÁNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	17.004.754.222	16.831.035.552
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	17.004.754.222	16.831.035.552
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.288.087.570	10.814.453.239
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.716.666.652	6.016.582.313
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		80.754.258	36.497.681
7. Chi phí tài chính	22	6.3	1.334.353.343	537.529.509
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.334.353.343	536.999.366
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	1.630.184.118	1.340.482.634
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	1.506.356.626	1.374.268.530
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		326.526.823	2.800.799.321
11. Thu nhập khác	31		79.727.272	900.000
12. Chi phí khác	32		308.112	20.930.082
13. Lợi nhuận khác	40		79.419.160	(20.030.082)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		405.945.983	2.780.769.239
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	80.758.181	112.267.358
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		325.187.802	2.668.501.881
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.14.4	108	939

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kiên Lương, ngày 10 tháng 08 năm 2013



ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

PHẠM VĂN CƠ

LÂM DUY KHÁNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		405.945.983	2.780.769.239
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.456.761.842	886.833.799
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.304.258)	(4.278.868)
Chi phí lãi vay	06		1.334.353.343	536.999.366
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>3.193.756.910</b>	<b>4.200.323.536</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.684.950.967	(887.717.284)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.140.982.828)	796.951.707
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		827.894.198	(1.706.465.758)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		743.316.068	(327.541.648)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.339.294.343)	(824.080.383)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(125.130.233)	(59.668.269)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	3.400.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(76.946.722)	(560.009.363)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.767.564.017</b>	<b>635.192.538</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.916.584.161)	(1.023.778.919)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.304.258	4.278.868
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.913.279.903)</b>	<b>(1.019.500.051)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21.775.319.802	8.871.703.260
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.642.029.151)	(8.057.200.820)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.061.284.840)	(1.586.130.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.072.005.811</b>	<b>(771.627.860)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.073.710.075)</b>	<b>(1.155.935.373)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.577.965.538</b>	<b>1.589.968.730</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>504.255.463</b>	<b>434.033.357</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kiên Lương, ngày 10 tháng 08 năm 2013

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG THỊ KIM UYÊN

PHẠM VĂN CƠ

LÂM DUY KHÁNH



# **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp gạch Tuynel Kiên Giang thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (nay là Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang). Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 56-03-000133 ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Kiên Giang cấp; và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700572808 ngày 30 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.016.990.000 đồng.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất gạch tuynel.

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát, sỏi, đất sét, đất bùn; Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Bán buôn than đá, than bùn và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, đất bùn;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác trong cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Cho thuê xe ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác và thu gom than bùn.

### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 25 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 09 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
+ Tài sản cố định vô hình	06 – 30 năm

#### 4.5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

#### 4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### 4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này, cụ thể như sau:

Mục 6.7 của thuyết minh báo cáo tài chính

	Kỳ trước (Được trình bày lại)	Kỳ trước (Đã được trình bày trước đây)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.235.236.933	11.500.367.078
Chi phí nguyên liệu, vật liệu đầu năm được trình bày lại để loại bỏ phần chi phí nguyên vật liệu luân chuyển nội bộ.		

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	27.147.504	122.007.634
Tiền gửi ngân hàng	477.107.959	1.455.957.904
<b>Tổng cộng</b>	<b>504.255.463</b>	<b>1.577.965.538</b>

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	5.284.569.595	5.030.370.967
Trả trước cho người bán	3.586.191.626	4.408.682.224
Các khoản phải thu khác	259.520.337	1.584.806.832
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>9.130.281.558</b>	<b>11.023.860.023</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(178.019.040)	(178.019.040)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>8.952.262.518</b>	<b>10.845.840.983</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong khoản phải thu khách hàng và phải thu khác có khoản phải thu các bên có liên quan là 1.624.189.836 đồng – Xem thêm mục 8.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.3. Hàng tồn kho**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.959.554.718	3.745.137.543
Công cụ, dụng cụ	25.769.810	21.192.817
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	679.505.371	645.341.036
Thành phẩm	132.870.640	245.046.315
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>5.797.700.539</b>	<b>4.656.717.711</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>5.797.700.539</b>	<b>4.656.717.711</b>

Toàn bộ giá trị nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.9.

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.167.472	3.878.852
Phù tùng thay thế	253.142.497	323.044.871
Khác	472.172.203	150.157.032
<b>Tổng cộng</b>	<b>739.482.172</b>	<b>477.080.755</b>

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	ĐVT: ngàn đồng				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	27.664.231	14.182.167	4.745.556	299.839	46.891.793
Mua trong kỳ	-	87.273	-	12.500	99.773
Đầu tư XDCB hoàn thành	87.319	274.406	-	-	361.725
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27.751.550</b>	<b>14.543.846</b>	<b>4.745.556</b>	<b>312.339</b>	<b>47.353.291</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	5.741.234	3.603.787	2.247.505	133.216	11.725.742
Khấu hao trong kỳ	569.980	478.507	273.556	22.170	1.344.213
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.311.214</b>	<b>4.082.294</b>	<b>2.521.061</b>	<b>155.386</b>	<b>13.069.955</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	21.922.997	10.578.380	2.498.051	166.623	35.166.051
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>21.440.336</b>	<b>10.461.552</b>	<b>2.224.495</b>	<b>156.953</b>	<b>34.283.336</b>

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 5.9 và 5.13.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 765.759.306 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	6.213.375.782	154.000.000	68.181.818	6.435.557.600
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.213.375.782</b>	<b>154.000.000</b>	<b>68.181.818</b>	<b>6.435.557.600</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1.330.184.202	9.625.002	17.992.430	1.357.801.634
Khấu hao trong kỳ	106.564.710	9.625.002	5.681.820	121.871.532
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.436.748.912</b>	<b>19.250.004</b>	<b>23.674.250</b>	<b>1.479.673.166</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	4.883.191.580	144.374.998	50.189.388	5.077.755.966
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>4.776.626.870</b>	<b>134.749.996</b>	<b>44.507.568</b>	<b>4.955.884.434</b>

Trong quyền sử dụng đất chủ yếu là lợi thế khai thác mỏ sét và các chi phí đền bù, giải tỏa đất. Toàn bộ quyền sử dụng đất được dùng để thế chấp các khoản vay tại ngân hàng – Xem thêm mục 5.9 và 5.13.

**5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Xây dựng dây chuyền 2	14.997.918.258	2.776.113.241
Nâng cấp đường vào công ty	300.000.000	300.000.000
Xây dựng cơ bản khác	193.954.245	268.323.146
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.491.872.503</b>	<b>3.344.436.387</b>

**5.8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	242.640.879	1.144.613.332
Sửa chữa nhà xưởng	1.166.241.014	1.303.315.630
Chi phí trả trước dài hạn khác	589.869.576	556.539.992
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.998.751.469</b>	<b>3.004.468.954</b>

**5.9. Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	12.272.916.412	8.290.803.001
Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.13	1.125.000.000	2.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.397.916.412</b>	<b>10.690.803.001</b>

Vay ngân hàng là khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng bằng tiền VNĐ với lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ trong khoảng từ 10,5%/năm đến 11,5%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho phương án sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản cố định, hàng hóa, nguyên liệu tồn kho, nợ phải thu, quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 5.3, 5.5 và 5.6.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	3.510.453.079	1.450.915.696
Người mua trả tiền trước	703.461.040	609.118.103
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.213.914.119</b>	<b>2.060.033.799</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả cho bên liên quan là 2.594.231.548 đồng – Xem thêm mục 8.

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	210.599.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.626.566	64.998.618
Thuế thu nhập cá nhân	6.575.205	12.501.203
Các khoản phí, lệ phí	1.453.400	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.655.171</b>	<b>288.099.472</b>

**5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	14.631.540	29.372.945
Cổ tức phải trả	2.634.314.731	2.093.560.771
Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.197.636	45.151.635
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.713.143.907</b>	<b>2.168.085.351</b>

Trong khoản cổ tức phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác có khoản phải trả cho các bên liên quan là 2.633.286.071 đồng.

**5.13. Vay và nợ dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	16.854.167.237	9.252.989.997
Vay đối tượng khác	2.100.000.000	2.275.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.954.167.237</b>	<b>11.527.989.997</b>

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 72 tháng với lãi suất 13%/năm đến thời điểm 30/06/2013. Kể từ Quý II năm 2013 trở đi, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng; mục đích vay là để đầu tư dự án mở rộng nhà máy gạch Tuynel (dây chuyền II), các khoản vay được bảo đảm bằng một số tài sản thuộc sở hữu của Công ty, quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 là 600.000.000 đồng – Xem thêm mục 5.5, 5.6 và 5.9.

Vay đối tượng khác là khoản vay từ Quỹ đầu tư phát triển Kiên Giang với thời hạn 60 tháng; với lãi suất 13,2%/năm; mục đích vay là để đầu tư dự án mở rộng nhà máy gạch Tuynel (dây chuyền 2); khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 là 700.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

**5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ từ thiện xã hội	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	23.359.610.000	1.081.379.611	3.755.757.431	29.980	28.196.777.022
Tăng vốn năm trước	6.657.380.000	-	-	-	6.657.380.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	4.580.141.954	-	4.580.141.954
Trích lập quỹ	-	217.297.708	(731.893.124)	80.000.000	(434.595.416)
Chia cổ tức	-	-	(2.701.529.100)	-	(2.701.529.100)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(77.254.600)	(77.254.600)
Tăng khác	-	-	-	5.250.000	5.250.000
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>30.016.990.000</b>	<b>1.298.677.319</b>	<b>4.902.477.161</b>	<b>8.025.380</b>	<b>36.226.169.860</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	325.187.802	-	325.187.802
Trích lập quỹ	-	-	(90.000.000)	90.000.000	-
Chia cổ tức	-	-	(3.602.038.800)	-	(3.602.038.800)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(24.650.000)	(24.650.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.016.990.000</b>	<b>1.298.677.319</b>	<b>1.535.626.163</b>	<b>73.375.380</b>	<b>32.924.668.862</b>

**5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	12.393.320.000	12.393.320.000
▪ Vốn góp của các đối tượng khác	17.623.670.000	17.623.670.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.016.990.000</b>	<b>30.016.990.000</b>

**5.14.3. Cổ phần**

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.001.699	3.001.699
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	3.001.699	3.001.699
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.001.699	3.001.699
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**5.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	325.187.802	2.668.501.881
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	3.001.699	2.840.751
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>108</b>	<b>939</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.14.5. Phân phối lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	4.902.477.161	3.755.757.431
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	325.187.802	2.668.501.881
Trích quỹ từ thiện xã hội	(90.000.000)	(80.000.000)
Chia cổ tức	(3.602.038.800)	(2.701.529.100)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>1.535.626.163</b>	<b>3.642.730.212</b>

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán sản phẩm gạch	15.471.287.686	15.631.373.278
Doanh thu vận chuyển gạch	1.406.922.899	1.199.662.274
Doanh thu bán đất bùn	126.543.637	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>17.004.754.222</b>	<b>16.831.035.552</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của sản phẩm gạch	10.932.413.713	9.411.796.521
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển gạch	1.328.414.507	1.402.656.718
Giá vốn bán đất bùn	27.259.350	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.288.087.570</b>	<b>10.814.453.239</b>

**6.3. Chi phí hoạt động tài chính**

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

**6.4. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	253.048.467	240.298.698
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ	468.901.699	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.521.997	51.522.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	595.603.484	606.600.394
Chi phí khác	267.108.471	442.061.539
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.630.184.118</b>	<b>1.340.482.634</b>

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	490.004.522	482.030.076
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ	155.457.247	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.367.225	138.462.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.164.796	68.309.006
Chi phí khác	644.362.836	685.466.978
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.506.356.626</b>	<b>1.374.268.530</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	405.945.983	2.780.769.239
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	318.931.838	321.130.983
Trừ các khoản chi phí trích trước của năm trước đã thực hiện trong kỳ này	(54.572.503)	-
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	(236.214.576)	(900.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	434.090.742	3.101.000.222
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (10%x50%)	5%	5%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	21.704.537	155.050.011
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam	-	(46.515.003)
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác với thuế suất 25%	59.053.644	225.000
Thuế nộp bổ sung của năm trước	-	3.507.350
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ</b>	<b>80.758.181</b>	<b>112.267.358</b>

**6.7. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.257.686.950	5.235.236.933
Chi phí nhân công	2.219.664.665	2.202.470.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.161.807.484	604.651.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	782.913.420	1.264.004.144
Chi phí khác bằng tiền	484.006.358	210.496.235
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.906.078.877</b>	<b>9.516.859.007</b>

**7. Báo cáo bộ phận**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ sản xuất một loại sản phẩm là gạch Tuynel. Báo cáo kết quả kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn diễn ra ở tỉnh Kiên Giang, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh

**8. Thông tin về các bên có liên quan**

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang	Công ty liên kết Công ty cùng tập đoàn của Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang
2. Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Nhà Kiên Giang	Công ty cùng tập đoàn của Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Phát Triển Nhà Kiên Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	1.624.189.836	3.896.205.550
Phải trả - Xem thêm mục 5.10	(2.594.231.548)	(974.888.088)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(970.041.712)</b>	<b>2.921.317.462</b>

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Bán hàng	2.548.851.491	3.643.407.291
Mua dịch vụ	2.432.225.345	-
Thu lãi trả chậm	77.450.000	32.218.813

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	93.000.000	96.000.000
Lương Giám đốc	141.932.100	95.260.600
Lương của các nhân viên chủ chốt	170.892.900	54.006.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>405.825.000</b>	<b>245.266.800</b>

**9. Công cụ tài chính**

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	504.255.463	1.577.965.538
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.520.634.656	6.240.900.311
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.024.890.119</b>	<b>7.818.865.849</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	32.352.083.649	22.218.792.998
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	3.510.453.079	3.544.476.467
Chi phí phải trả	28.875.000	33.816.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.891.411.728</b>	<b>25.797.085.465</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	13.397.916.412	18.954.167.237	32.352.083.649
Phải trả người bán	3.510.453.079	-	3.510.453.079
Chi phí phải trả	28.875.000	-	28.875.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI KIÊN GIANG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	10.690.803.001	11.527.989.997	22.218.792.998
Phải trả người bán và phải trả khác	3.544.476.467	-	3.544.476.467
Chi phí phải trả	33.816.000	-	33.816.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	5.520.634.656		5.520.634.656

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.240.900.311	-	6.240.900.311

**10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2013.

Kiên Lương, ngày 10 tháng 08 năm 2013

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG THỊ KIM UYÊN**

**PHẠM VĂN CƠ**

**LÂM DUY KHÁNH**